TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2023
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Thành;
2. Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/2023/TB-TA ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Mỹ H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 13 đường G, khóm 5, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tắc L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà 245 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt,
Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2022, nguyên đơn là chị Huỳnh Mỹ H trình bày:

Năm 2005, chị H kết hôn cùng anh Phạm Tắc L; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khóm 5, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị H với anh L đã có 02 con chung là cháu Phạm Thái L (Nam), sinh ngày 02/11/2007 và Phạm Mỹ Q (Nữ), sinh ngày 17/4/2010.

Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc nữa và đã không còn sống chung từ tháng 8/2020. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị H và Giấy khai sinh của cháu L, cháu Q; Giấy chứng nhận kết hôn của anh L với chị H; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Đối với bị đơn là anh Phạm Tắc L: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh L không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, anh L được tống đạt Thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 12/7/2023, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự và sức khỏe, nguyện vọng của cháu L, cháu Q. Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh L; giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; không xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản chung, nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị H yêu cầu ly hôn với anh L, giải quyết quyền nuôi con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh L đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, vì trở ngại khách quan. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt 02 đương sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy khai sinh của cháu L, cháu Q; Giấy chứng nhận kết hôn của anh L với chị H cũng như việc không phản đối của anh L và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H về kết hôn với anh L, được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 02 con chung là sự thật. Nên, chị H và anh L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ khoảng 03 năm nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội nhưng chị H và anh L không sống chung; không cùng nhau chăm sóc cháu L, cháu Q. Như vậy, chị H và anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H ly hôn với anh Phạm Tắc L.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu L và cháu Q đều đã trên 07 tuổi và đang sống cùng anh L trong thời gian dài, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ; chính quyền địa phương không nhận được yêu cầu nào về hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ các cháu; đồng thời, cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha. Xét, anh L đã một mình nuôi con từ khi vợ chồng không còn sống chung, thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía chị H, mặc dù có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ để Tòa án ghi lời khai của cháu L, là người giám hộ và chứng kiến cháu Q bày tỏ nguyện vọng sống cùng anh L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sống của cháu L, cháu Q thì cần căn cứ Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại Khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ nhu cầu thiết yếu về chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu Q; đồng thời, chị H không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo, từng yêu cầu được nuôi con mà không cần anh L cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận định, mức cấp dưỡng cho một người con mỗi tháng định kỳ 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cuộc sống thực tế tại địa phương. Việc cấp dưỡng này cũng không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự bởi chị H, anh L có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề cơ bản là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Riêng đề nghị không xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng là còn thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cháu L và cháu Q; bởi, đây không phải là vụ án độc lập về cấp dưỡng lệ thuộc yêu cầu quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình; ngược lại, Khoản 2 Điều 82 Luật này quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Nên, cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn, trừ trường hợp anh L có ý kiến từ chối quyền này thì Hội đồng xét xử cần giải quyết về cấp dưỡng, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L và cháu Q quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Mỹ H được ly hôn với anh Phạm Tắc L.

2. Về quyền nuôi con chung:

Không chấp nhận yêu cầu của chị H, về được trực tiếp nuôi con.

Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Phạm Thái L (Nam), sinh ngày 02/11/2007 và Phạm Mỹ Q (Nữ), sinh ngày 17/4/2010.

Trong thời gian anh L nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu L và cháu Q, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L và cháu Q, cấp dưỡng định kỳ 1.000.000 đồng/tháng/cháu (Mỗi tháng một triệu đồng cho một cháu) đến khi cháu L, cháu Q thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng này được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Mặt khác, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người có nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Mỹ H chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006718 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Chị H còn phải nộp bổ sung án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Thạnh Thới Thuận;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG